

# PHÁP HOA NGHĨA SỚ

## QUYỂN 10

### PHẨM HẠNH AN LẠC THỨ MƯỜI BỐN

Giải thích Hạnh An Lạc gồm có sáu môn:

- 1) Ý nghĩa vì sao có phẩm này.
- 2) Giải thích tên phẩm.
- 3) Khai hiệp.
- 4) Thể tướng.
- 5) Thứ bậc.
- 6) Đồng và khác.

**I. Ý nghĩa:** Cũng có hai nghĩa:

- 1) Thành trước.
- 2) Khai sau.

- *Thành trước:* có ba ý:

- 1) Phật dạy Thanh văn gồm có ba việc:
  - a) Khiến hồi tiểu nhập đại phát tâm Bồ-đề tức ba châu nói ở trên.
  - b) khiến tu hạnh Bồ-tát tức bốn hạnh an lạc này.
  - c) Khiến đắc quả Phật là văn tuổi thọ phần sau, vì nhân duyên này nên có phẩm này.
- 2) Diệu Pháp liên hoa gồm có hai thứ:
  - a) Môn thiện xảo dụng.
  - b) Môn chân thật thể. Trên phá ba nói một gọi là dụng đối trị, bệnh chấp ba đã bỏ, một thuốc cũng trừ, muốn hiển không một không ba, không hai chánh quán tức thể Diệu Pháp Hoa. Dưới kệ chép: Quán tất cả pháp Không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt thì biết ba, một, hai xả duyên quán đều mất, nay muốn nhiếp dụng quy về thể cho nên có phẩm này.
- 3) Cuối phẩm Trì chép: Đời ác mở rộng kinh bị hủy nhục chê bai chịu ác khổ não hạng tu hành ít thường lui sụt không thể mở rộng kinh,

vì vậy nên nay nói về an trú trong bốn hạnh thì tuy ở đời ác mà thường được an vui, muốn chỉ bày phương pháp đời mạt pháp mở rộng kinh nên nói phẩm này.

- *Khai sau*: Muốn nói về quả tuổi thọ lâu dài. Cho nên nay nói nhân tuổi thọ lâu dài tức bốn hạnh an lạc.

**II. Giải thích tên**: giải thích tên bốn hạnh khác nhau, nay theo ngài Trúc Đạo Sanh và chú giải kinh pháp Hoa nói về bốn hạnh:

- 1) Hạnh vắng lặng.
- 2) Hạnh không kiêu mạn.
- 3) Hạnh lìa ganh ghét.
- 4) Hạnh từ bi.

- *Hạnh vắng lặng*: Không tịch tức là thật tướng các pháp Bát-nhã chánh quán, đã trái với lý thật tướng thì liền có khổ không có vui, tương ưng với lý thì có lạc không có khổ, nay chính nói về nghĩa mở rộng kinh an vui cho nên ban đầu nói hạnh vắng lặng. Tuy bên trong tu không quán, nhưng người mới bắt đầu hành sức quán chưa thành ở trong chúng nói pháp thường cậy vào sự hiểu biết lẫn hiếp người nên kể nêu hạnh lìa kiêu mạn. Hễ làm thầy giỏi nếu ỷ hiểu biết xem thường người khác hoặc ghét người hơn mình vì có hiểu biết là điều thường tình, nhưng là đại hoạn cho người mở rộng kinh! Thế nên kể nêu hạnh lìa ganh ghét: Người thông hiểu pháp tuy không kiêu mạn ganh ghét mà chỉ biết người được hóa độ gồm có hai thứ:

- 1) Cầu đại đạo.

2) Chấp Tiểu thừa, hai hạng người này thường sanh ái nhuế, nếu khởi ái nhuế thì si sử liền theo cho nên người cần học Đại thừa phải khởi từ tâm, đối với hạng phi Bồ-tát nên sanh tâm thương xót, vì vậy nên kể nói hạnh từ bi của Bồ-tát: Nghĩa không hết thì vẫn phải đầy đủ. Gọi chung là hạnh an lạc: Tức an trú trong bốn pháp thì được an vui cho nên gọi hạnh an lạc. Hạnh: Là trải qua sự tu hành, nghĩa là tâm hành bốn pháp này.

**III. Khai hiệp**: Khai thành bốn hạnh hiệp chỉ hai môn:

1) Hạnh đầu là trí tuệ ba hạnh sau là công đức, tâm an phước tuệ mở rộng đạo lợi người liền được an vui gọi là phước tuệ một cặp.

2) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai lìa môn và đắc.

Đắc có hai thứ đức: Không tịch là trí tuệ, từ bi là công đức, trung gian hai thứ gọi là lìa nên lìa môn cũng có hai:

- 1) Ly kiêu mạn.
- 2) Ly ganh ghét. Tức là đắc lìa một cặp.



3) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai hành không và hữu: Đầu là không hành, ba thứ còn lại là hữu hành, gọi là không hữu một cặp.

4) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài tự hành hóa tha, ba thứ đầu là tự hành, từ bi là hóa tha, gọi là tự hành hóa tha một cặp.

#### **IV. Thế tướng:**

Hạnh thứ nhất lấy quán không rốt ráo làm thế, hạnh thứ hai lấy tâm không kiêu mạn làm thế, hạnh thứ ba lấy tâm không ganh ghét làm thế, hạnh thứ tư lấy tâm từ bi làm thế, nhưng bốn hạnh này chỉ có một chánh quán, căn cứ dụng khác nhau nên khai bốn thứ, quán nghĩa thật tướng gọi là hạnh vắng lặng, tức là nghĩa chánh quán đây là lỗi tức không kiêu mạn, ganh ghét, tức không quán này cứu khổ ban vui nên gọi là từ bi, tâm từ bi chẳng trở ngại rốt ráo Không, rốt ráo Không chẳng ngăn ngại từ bi, tuy hành từ bi mà thường rốt ráo Không, tuy rốt ráo Không mà không xả từ bi; vì vậy nên siêu phàm vượt Thánh gọi là hạnh Bồ-tát cũng là hai đạo Không, Bi. Đại Phẩm nói Bồ-tát trụ trong hai pháp mà không thế hoại được:

- 1) Biết Không.
- 2) Không bỏ chúng sanh.

**V. Thứ bậc:** Từ sơ phát tâm cho đến Phật địa, năm mươi hai địa vị đều đầy đủ bốn hạnh, trong đó tự có thành và chưa thành và nghĩa công dụng, vô công dụng tổ ngộ và mê muội, cạn, sâu tùy địa vị sai khác, nhưng chánh ý của kinh là kế sức cho người lui mất. Đời mạt pháp mở rộng kinh chịu nhiều khổ não cho nên khiến an trú trong bốn pháp liền được an vui. Địa vị cao trở lên tự đầy đủ bốn hạnh không đợi nói vì vậy nên người phát tâm tự phải y theo phẩm này tự hành hóa tha toạ thiền, tụng kinh, sám hối.

**VI. Đồng và khác:** Cuối phẩm Pháp Sư nói về ba việc:

- 1) Vào nhà Như lai.
- 2) Mặc áo nhẫn nhục.

3) Lấy các pháp Không làm tòa, không đồng với bốn hạnh nghĩa. Trên văn trước nêu hạnh hữu kế biện nơi Không, vì sao? Vì phẩm trên chánh giải thích Pháp Sư, bởi làm Pháp Sư vì chúng sinh nói pháp thích hợp trước hết vận tâm từ bi, nhưng từ tâm bi ở lâu trong sanh tử gặp nhiều hoạn nạn nên phải hành nhẫn, tuy có từ bi nhẫn nhục mà nếu chẳng nhập quán Không thì từ bi nhẫn không thành cho nên kể nói về hạnh Không nên từ hữu nhập không. Phẩm này chính vì đời ác mở rộng kinh chịu nhiều khổ não tâm sanh lui sụt nên trước nói về nhập rốt ráo Không, thì không thấy thân tâm tự tha đều tĩnh lặng liền được an vui

cho nên trước nói hạnh Không. Do đắc không quán nên không sanh khởi kiêu mạn ganh ghét, do đắc không quán nên dẫn dắt thành từ bi, nên trước nêu hạnh Không sau nói hạnh hữu. Lại hai phẩm muốn chỉ bày không, hữu, không hai cho nên trước sau nói xen lẫn. Căn cứ phẩm chia làm hai:

1) Hỏi.

2) Đáp.

- Hỏi có hai: a) Khen ngợi trước. b) Hỏi sau.

- Trong đáp cũng có hai: a) Nói chung tên bốn hạnh. b) Nêu thể bốn hạnh.

An trụ bốn pháp: Tâm an trụ bốn pháp thì không còn khổ, cho nên được an vui gọi là hạnh an lạc: An trú trong hành xứ và gần gũi xứ của Bồ-tát v.v...: Là nói riêng thể của bốn hạnh, lại chia làm bốn:

1) Chánh nêu thể của hành.

2) Khen ngợi giáo.

3) Khuyến tu.

4) Giải thích chung nghĩa an vui.

Căn cứ thể của bốn hạnh lại chia làm bốn: Căn cứ thể của hạnh đầu lại chia làm ba:

1) Chánh nêu thể của hạnh.

2) Bốn hàng rười kệ sau cùng biện tướng an vui, văn đầu tức giải thích hành, văn sau tức giải thích tướng an vui, hành nghĩa là nhân, an vui tức do hành đắc quả.

3) Kệ sau văn xuôi tổng kết hạnh an vui đầu, văn đầu lại có hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

1) Nêu hai chương môn hành xứ, cận xứ.

2) giải Thích-cả hai môn.

Hành xứ: Người tu hành đã nhập lý mà thi hành gọi là hành xứ, tuy chưa nhập lý mà tự gần gũi gọi là cận xứ, hai xứ này gọi là từ đầu đến cuối cho nên hiệp thành một.

Hỏi: Hành xứ đã sâu cận xứ thì cạn, vì sao trước nêu hành xứ sau nói cận xứ ư?

Đáp: Trước nêu hành xứ là nêu tâm sâu tiêu biểu ý chỉ khiến tu tập mà gần gũi.

Hỏi: Căn cứ địa vị như thế nào?

Đáp: Có người chép: Thất địa trở lên đã nhập nơi lý gọi là hành xứ, từ nay lại nhập lý vô sanh dần dần gần gũi gọi là cận xứ.

Nay nói về y luận Trí Độ vô sanh đã có hai xứ hành, cận nghĩa cũng vậy. Nhưng ý của kinh chính vì người mới học nên nêu hai xứ này. Vì đặc vô sanh tương ứng gọi là hành xứ, nếu chưa tương ứng với Bát-nhã khiến người phát tâm dần dần tu tập gần gũi nên gọi là cận xứ. Nếu gần gũi vô sanh thì cùng điên đảo, xa rời liền được an vui, nếu gần gũi với điên đảo, thật tướng xa rời thì chịu khổ não.

“Thế nào gọi là v.v...” Là giải thích hai chương hành xứ, cận xứ chia làm hai riêng: Giải thích chương hành xứ chia làm ba: Nghĩa là nêu, giải thích, tổng kết. “Nếu đại Bồ-tát v.v...” Là giải thích chương. Văn này ý bao gồm nhiều, nay dùng bảy nghĩa giải thích: Theo luận Trí Độ nói về hai nhãn giải thích: Trú nhãn nhục địa gọi là sanh nhãn, sau nêu quán không là pháp nhãn. Luận nói Bồ-tát thực hành sanh nhãn được vô lượng công đức, thực hành pháp nhãn đặc vô lượng trí tuệ, sanh nhãn là các cảnh trái thuận, Bồ-tát năng an nhãn nơi trái nghịch mà không sân, đối với thuận không tham nên gọi là công đức. Pháp nhãn không thọ tất cả các pháp biết kia vắng lặng nên đặc trí tuệ. Đây y cứ hai môn không, hữu để phân phước tuệ. Lại sanh không địa vị nông cạn nên gọi là công đức, pháp không đã sâu thọ gọi là trí tuệ. Đây căn cứ hai Không cạn sâu để phân biệt phước tuệ. Lại đều căn cứ hữu môn để nói về hai nhãn: Nhãn trái, thuận với chúng sanh gọi là sanh nhãn, nhãn các pháp trái thuận của chúng sanh gọi là pháp nhãn, hai thứ này cũng có cạn sâu. Chúng sanh năm tình chấp không được lại gọi là giả danh cho nên dễ nhãn, các pháp thuận nghịch là việc thấy nghe hiện tại cho nên khó nhãn. Do căn cứ nhãn có sâu cạn để phân biệt phước tuệ, nhưng tự có phước tuệ không hai, không có cạn sâu. Nay căn cứ quán môn thứ bậc nên phân cạn sâu. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Trú nhãn nhục địa nói chung về ba nghiệp. Nhãn nhục gọi là địa có hai thứ nghĩa:

a) Không bị duyên bên ngoài lay động nên gọi là địa.

b) Có công năng sanh trưởng như đất, do năng nhãn các nhục nên được thông hiểu đại pháp. Muôn điều thiện thuận tiện sanh nên gọi tâm nhãn làm địa. “Hòa diệu khéo thuận”: Diệu hòa: Là lời nói không sai lầm, trái với vật gọi là miệng nhãn. “Mà không gấp bạo:” Tuy dao gậy kề thân mà không vọng động, do không thêm báo nên gọi là thân nhãn, lại là oai nghi tướng tận gọi là không gấp bạo, như kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát nhất tâm an tướng. “Tâm cũng chẳng kinh sợ”: Lại chỉ chẳng phải thân miệng không gia báo, cũng không khởi một niệm sân gọi là ý nhãn, lại năng an nơi đồng, khác nên tâm không sợ. “Lại đối với pháp

không có sở hành”: Trên nói sanh nhãn nay là pháp nhãn.

2) Trên là phương tiện, quán này là thể chánh quán, do điều hòa thân miệng rồi sau mới đắc nhập quán thật tướng.

3) Trên nói hạnh Bồ-tát, nay nói giải Bồ-tát.

4) Trú nhãn nhục địa là tuệ phương tiện, quán Không là tuệ thật.

5) Quán nhãn nhục địa là hành xứ bên ngoài, quán không là hành xứ bên trong.

6) Trú nhãn nhục địa rồi sau quán Không, phải trước nói về trong hữu, hành các công đức dùng hữu giúp Không rồi sau mới đắc từ Không ra có, nếu không như vậy thì đọa vào địa ngục.

7) Trú nhãn nhục địa rồi sau quán Không, muốn phân biệt khác với Da kiến quán không.

Luận Trí Độ chép: Tà kiến không trước gây nghiệp ác rồi sau bác bỏ, nay nói chân không, trước hành thí, giới, nhẫn, thiền rồi mới quán Không. Lại đối với pháp không có sở hành, do trú nhãn nhục địa điều hòa thân miệng nên được nhập Không, do nhập Không nên không hành tất cả các pháp sanh tử Niết-bàn. “Mà quán tướng như thật của các pháp:” trên không hành pháp điên đảo, nay quán pháp thật tướng. “Cũng chẳng thực hành”: Đầu tiên nói chẳng thực hành không thật, kế nói thực hành thật, nay thật không thật tất cả không hành cho nên nói cũng không hành. “Không phân biệt”: Cũng không phân biệt hành và không thực hành. Trên nhãn nhục v.v... tức quán thế đế, quán thật tướng các pháp cho đến không thực hành không phân biệt gọi là quán bậc nhất nghĩa đế, do Chư Phật nói pháp thường y hai đế cho nên Bồ-tát y Phật tu học cũng quán hai đế.

“Kế căn cứ sanh Không, pháp Không giải thích: Từ đầu không hành đến quán thật tướng gọi là pháp không, chẳng hành vô phân biệt gọi là sanh không quán xuất, trong chánh Pháp Hoa phần kệ dưới cũng có ý này. Đầu không hành tất cả các pháp tức pháp không, cũng không phân biệt nam nữ gọi là chúng sanh không, trước nói pháp không sau nói sanh không tức là:

1) Nói theo thứ lớp.

2) Người mê hoặc cho rằng có người năng thực hành pháp quán không cho nên lại trừ bỏ quán chủ. Kia luận Trí Độ cũng có nói điều này. Kế căn cứ ba đế giải thích văn này: Trụ địa nhãn nhục đồng gọi là quán thế đế, đối với pháp không có sở hành mà quán thật tướng gọi là quán Chân-đế, cũng chẳng thực hành không phân biệt gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Không hành: Là không thực hành Chân-đế.

Không phân biệt là: Không phân biệt việc thế đế nên gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Ba đế này là nghĩa nhân duyên, vì không hai nói hai, hai gọi là hai đế, hai không hai là Trung đạo. Kế căn cứ diệt cảnh trí giải thích: Lại, đối với các pháp không có sở hành cho đến quán các pháp thật tướng nói về duyên tận nơi quán. Nói duyên tận quán: Là tất cả điên đảo là duyên đều tận ở trong chánh quán. “Cũng chẳng thực hành không phân biệt”: Là quán tận ở duyên. Do tà duyên đã hết chánh quán cũng dứt, nên duyên quán đều mất cảnh trí đều lặng. Trong kệ sau cũng có ý đây. Đầu nói về sanh không, pháp không gọi là tận duyên, kế kệ nói không đắc các pháp không biết không thấy tức tận quán. Cho nên trong luận Niết-bàn Ngài Tăng Triệu chép: Pháp không có tướng hữu không, Thánh không có trí hữu không. Pháp không có tướng hữu không cho nên ở ngoài vô số, bậc Thánh không có trí hữu không nên ở trong vô tâm, ở ngoài vô số bên trong vô tâm không biết lấy gì nên gượng gọi là chánh quán! “Đó gọi là chỗ hành xứ của Bồ-tát” là tổng kết hành xứ.

“Thế nào gọi là v.v...”: kế giải Thích-cận xứ. Văn cũng có hai:

1) Nêu hữu cận xứ.

2) Nêu không cận xứ, cũng trước là hình cận xứ, kế là tâm cận xứ.

Xét lúc mới tu hành chọn nơi yên vắng để tĩnh thân, rồi sau tâm định vì gần ở lý.

Hỏi: Trong hành xứ cũng nói về không hữu có gì khác với ở đây hay không?

Đáp: Trước nói về không hữu là sâu, nay nói về không hữu là cạn, cho nên khi mới tu hành có hai quán không hữu có thể noi theo như thuận nhãn của Địa Tiền.

Hành sâu: Cùng có hai quán không, hữu tức đấng Địa trở lên vô sanh nhãn. Văn có hai:

1) Nói không nên gần gũi.

2) Nói nên gần gũi.

Không nên gần gũi gồm lìa xa mười duyên:

1) Không gần gũi vua chúa gọi là lìa duyên kiêu mạn.

2) Không gần gũi ngoại đạo là lìa duyên tà kiến, người mới tu hành chưa thể quán tà chánh bình đẳng vì thế, không nên gần. Chú giải kinh rằng: Trời đất nơi ngón tay chỉ muôn vật ở con ngựa chạy, cho nên không nên gần ngoại đạo. Lộ Già-da đà xưa gọi là ác giải. Nghịch lộ Già-da đà: Là ác luận. Chú giải kinh rằng: Lộ Già-da đà: ở Trung quốc là lễ nghi danh giáo của Nho mặc. Nghịch lộ-già-da-đà: Như sách, của



Lão Trang theo lệ bật nhân bỏ thánh. Lại nói Lộ-già-da-đà dịch là thế gian hành. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Tán tựa ca âm. Nghịch Lộ-già-da-đà: Đây gọi là hạnh nghịch thế gian. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: kết ngẫu tập tục.

3) Cũng không gần gũi những kẻ chơi hung hiểm...” Là lìa duyên tán loạn. Na la Hán dịch là lực. Chú giải kinh rằng: là Văn thân huyền thuật: Văn thân: Là họa vẽ thân, khiến loang lổ

4) “Cũng không gần gũi Chiên đà la...” là lìa duyên nghiệp ác. Chiên đà, Hán dịch Đấng sợ, cũng dịch là ác. La là họ thấp hèn.

5) Lại không gần gũi hạng người cầu Thanh văn...” Là duyên Tiểu thừa, mới hành Bồ-tát Đại thừa chiếu soi chưa tròn đầy sợ dễ nhiễm pháp Tiểu thừa nên khiến ý hình ngăn cách, hành và ở chỗ cùng. “Hoặc có lúc lại đến” thì tùy nghi nói pháp không có lòng mong cầu; nếu có cơ cảm liền vì họ nói pháp, không vì danh lợi không có lòng mong cầu.

6) “Lại Bồ-tát v.v....” Là duyên nhiễm ác: Dưới năm tuổi gọi là gái nhỏ, đến lúc hứa gả lấy chồng gọi là gái trinh, lại nói lập chí không lấy chồng gọi là gái trinh.

7) Lại chẳng gần năm hạng người bất nam: lìa duyên không có ý chí: luật tụng nêu năm pháp: a) sanh ra không khả năng nam. b) Nửa tháng không có khả năng nam. c) Ganh ghét không có khả năng nam. d) Tinh không có khả năng nam. e) Bệnh không có khả năng nam.

Lại nói trời phạt đều biến ra phân nửa. Thiên: Thiên tánh không khả năng. Hình là bị hình phạt. Đô: đều không có căn. Biến: Nữ biến thành nam cũng không có khả năng. Bán: Nửa tháng có thể nửa tháng không thể. Chú giải kinh rằng: a) Vô căn. b) Hai căn. c) Bất định căn. d) Hữu hạn căn. e) Ganh ghét không có khả năng nam.

8) “Chẳng một mình vào nhà người v.v...”: Là duyên chê bai.

9) “Nếu vì người nữ nói pháp v.v...”: Là duyên làm người khác sanh ái.

10) “Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi” Là duyên tự sanh nhiễm ái.

Hỏi: Vì sao không gần gũi mười duyên này ư?

Đáp: Người mới tu hành điên đảo mạnh quán hạnh yếu, bỗng gần gũi duyên phi đạo tiến thì không có công năng cứu giúp, thoái thì có lỗi ái lụy, như chút ít nước nóng đổ vào tảng băng, ngược lại còn giúp thêm đông đặc. Nếu được chánh quán hiện tiền tùy ý gần gũi như thông đạt phi đạo tức là Phật đạo.

Không thấy sự sản nghiệp thì không nhập quán Bát-nhã, luận Nhiếp Đại thừa chép: Bồ-tát có giới thậm thâm, tạo đủ các nghiệp năm nghịch mười ác thì tiến có công cứu giúp, thoái không có lỗi ái nhiễm.

Lại Bồ-tát có hai môn:

- 1) môn Thế giới.
- 2) môn Đệ nhất nghĩa.

Tất đàn thế giới tùy cõi nước phong tục chê bai tuy là hành sâu mà không được gần gũi. Đệ nhất nghĩa môn, không thấy cận và không cận bốn câu không hành. tuy có hai môn mà không hề có hai thích thời mà động. Thường ưa ngồi thiền v.v...: là nói về chỗ nên gần gũi.

Hỏi: Nhiếp tâm nên ở lại quán ban đầu vì sao ở cuối ư?

Đáp: Do xa lìa các duyên mới được nhiếp tâm do đó nên ở sau, lại xa lìa mười duyên gọi là giới Bồ-tát, thường ưa ngồi thiền gọi là định Bồ-tát, sau nêu quán không tức là trí tuệ.

“Lại nữa v.v...”: là nói về “Không” gần gũi xứ. Văn có hai:

- 1) Thực hành quán đệ nhất nghĩa.
- 2) Nói về thế đế quán.

Đầu có mười bảy câu, quán tất cả pháp Không là chẳng thấy có. Như thật tướng: Hiện bày Không quán là chân thật. Lại quán tất cả pháp đều như đều là thật tướng. Không điên đảo: chẳng chấp tướng không. Bất động: Không sanh động niệm. Bất thoái: hễ được thì không mất. Bất chuyển: Không bị duyên khác làm lay động. Như hư không: Rốt ráo thanh tịnh, không như Số luận của ngoại đạo chấp hư không. Không có tánh sở hữu: bốn tánh như. Tất cả đường ngôn ngữ đạo dứt: bốn câu chẳng thể giải thích. Không sanh không xuất không khởi: luận Trí Độ chép: Duyên một bên rốt ráo không thể đắc cho nên nói không sanh, nhân một bên không thể đắc gọi là không xuất, quả một bên không thể đắc gọi là không khởi. Lại giải không từ ngoài đến gọi là sanh, không từ trong ra gọi là không xuất, không từ trong ngoài mà hiệp có gọi là không khởi. Không danh không tướng: Ngoài không có danh nên gọi vô danh, trong không có tướng nên gọi là vô tướng, lại lìa mười tướng nên gọi vô tướng. “Thật không có gì”: Thật ghi chép không có gì, lại thật biên chép chẳng có chỗ không, cho đến thật biên chép không điên đảo năm câu. “Vô lượng vô biên vô chướng vô ngại”: Sáu căn không thể lường nên gọi là vô lượng, lại không rơi vào ba đời nên gọi vô lượng. Lại nói không có lượng, của không hữu nên gọi là vô lượng, biên không thể đắc gọi là vô biên lại không dứt các biên nên gọi là vô biên, tức hữu là không, tức không là hữu, không hữu chẳng hai nên

gọi là vô ngại. Pháp tánh tư như vậy lụy không năng chướng nên gọi là vô chướng. “Chỉ do nhân duyên mà có”: là nói về nhân duyên thế đế quán, trước nêu Chân-đế sau nói thế đế, chỉ bày thật tướng làm gốc, các pháp làm ngọn. Lại trên nói thường ưa ngồi thiền tu nhiếp tâm kia, thì từ hữu nhập không nay từ không xuất hữu. Kinh An lạc chép: Từ hữu nhập không gọi là quán đệ nhất nghĩa, từ không xuất hữu gọi là quán bình đẳng, nhờ hai quán này làm phương tiện đắc nhập quán Trung đạo đệ nhất nghĩa. “Từ điên đảo mà sanh cho nên nói thường lạc: ở trên nói hai đế không hữu tức hiển nghĩa chánh, câu này trình bày duyên mê. Do không biết nhân duyên có nên từ điên đảo sanh chấp có thường lạc, thường lạc thuộc câu trên.

Có người chép: Các pháp thật không có gì từ điên đảo sanh, nên thấy có như mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không. Ngài Quang Trạch chép: Do chấp tướng nhân sanh các pháp cho nên nói từ điên đảo sanh. Có người chép: Điên đảo tức giải thích thành nghĩa nhân duyên trên. Trên nói nhân duyên như kinh Đại Phẩm nói nhân duyên chúng sanh điên đảo cho nên có sáu đường.

Kệ văn chia nhân duyên làm hai:

1) Nêu cả hành xứ, cận xứ.

2) Giải thích hành xứ cận xứ. a) Một bài rưỡi nêu cả hai. b) “Thường xa lia vua chúa v.v...” là: Giải thích hai môn. Văn xuôi nêu hành xứ cận xứ, mỗi xứ có hai môn không hữu nay kệ chuyển thế nói pháp. Trước hợp giải thích hữu môn hành xứ cận xứ, kế hiệp giải thích không môn hành xứ cận xứ, muốn dùng không hữu hợp thành một loại. Trong giải thích hữu môn có hai: Trước giải thích, kế tổng kết. Căn cứ trong giải thích chỉ giải thích hữu cận xứ, không giải thích hữu hành xứ, gồm có hai nghĩa:

1) Muốn nói lên lia mười duyên ác đều được làm hành xứ cận xứ tiền phương tiện, lia mười thứ duyên ác đã dằm hành, cận phương tiện tức nói lên trước trụ nhữn nhục địa v.v... cũng chung được cùng hành xứ cận xứ làm phương tiện.

2) Vì muốn tóm lược chỉ nêu cận xứ hữu hành mà thôi!

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở trước nói hành xứ, nay kệ trước nói cận xứ?

Đáp: Trong văn xuôi căn cứ nói theo thứ lớp, trước nói hành xứ sâu, kế biện cận xứ cạn, nay y tu hành thứ lớp trước nói cận xứ cạn, sau nói hành xứ sâu. Văn xuôi nói đủ mười duyên, văn kệ không thể phân biệt chỉ lược nên không có thứ mười sanh duyên tự nhiễm ái.

Nói Ba tạng gồm có ba thứ:

- 1) Ba tạng Tiểu thừa.
- 2) Đại thừa tự có ba tạng, như luận Nhiếp Đại thừa chép
- 3) Đại Tiểu hợp luận ba tạng, đó là tạng Thanh văn, tạng Duyên giác tạng Bồ-tát.

Có người chép: Hoa Nghiêm v.v... là Đại thừa tuệ tạng, kinh Quyết định Tỳ ni kinh là Đại thừa Tỳ ni tạng. Trì Địa luận v.v... là Đại thừa A-tỳ-đàm tạng. Nay nói trong kinh Đại thừa tự có ba tạng không nên dẫn luận. Nay nói ba tạng Tiểu thừa: Là muốn lựa phân hai thứ ba tạng còn lại. Tham mê năm món dục cầu hiện tại diệt độ: v.v... Tham đắm năm món dục gọi là người khởi ái, cầu hiện tại diệt độ là người khởi kiến, kiến có thân tâm lao lụy nên cầu mau diệt, đó gọi là hành xứ. Cận xứ: Tổng kết: Có người chép: Nên tổng kết cận xứ. “Lại nói và hành xứ”: đây là hành gần gũi. Sở dĩ nói và hành xứ là dùng hai xứ này. Có người chép: Chỉ nên nói dùng một xứ này mà nói hai xứ tức là hành xứ là thứ nhất, gần gũi xứ là thứ hai cho nên nói hai xứ! Nay nói không đúng, lìa trên mười duyên đặc chung hành xứ, cận xứ phương tiện cho nên gọi là hai xứ.

“Lại cũng chẳng hành theo”: Hợp là tụng hành xứ, cận xứ hai môn nghĩa Không. Văn cũng có hai:

- 1) Hai hàng rưỡi trước tụng Không hành xứ.
- 2) Năm hàng rưỡi sau tụng Không gần gũi xứ. Đầu một bài tụng trên nói không hành tức nói nghĩa pháp không. “Pháp thượng trung hạ này...” có người chép: ba tánh Thiện, ác, vô ký làm ba phẩm. Nay nói tức dùng Ba thừa là ba phẩm, lại trời người là hạ, Nhị thừa là trung, Đại thừa là thượng. “Hữu vi hay vô vi”: Hữu vi vô vi cả hai đều xả. “Thiệt và chẳng thiệt pháp”: Trên diệt giáo xưa, câu nay diệt giáo nay, dùng Ba thừa làm quyền, Nhất thừa làm thật, nay đều không hành. “Cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ”: Nửa bài tụng trên cũng không phân biệt, kệ trên nói pháp không nay nói sanh không. “Cũng chẳng đặc các pháp cũng chẳng biết chẳng thấy”: Không đặc các pháp diệt mất cảnh, không thấy không biết diệt mất quán, hai nghĩa “Không” tròn đầy cảnh trí đều bật dứt rõ ràng lý đã cùng khắp. Nửa bài sau tổng kết Không hành xứ: “Tất cả các pháp này” là: Tụng về Không gần gũi xứ. Văn có ba: Một hàng rưỡi nói thể của Không gần gũi xứ. “Điên đảo mà phân biệt...”: hai hàng nói Không gần gũi xứ, tiền phương tiện quán. “Quán tất cả pháp v.v...” hai hàng nói từ phương tiện nhập nơi chánh quán. Ba môn thứ lớp: Trước chỉ thể quán, kế khiến tu tập, tu tập đã thành sau nói

về đặc quán. Lại ban đầu nói được, kế nói về mất, sau lại nêu được.

“Nếu có vị Tỳ-kheo v.v...”: bốn hàng rươi tụng an vui tức hành quả. Văn chia làm ba:

- 1) Một hàng rươi nêu an vui.
- 2) Hai hàng rươi giải thích an vui.
- 3) Nửa hàng kết nghĩa an vui.

Hai hàng rươi lại chia làm hai:

- 1) Một hàng nói về nhập định nghĩa là Thánh im lặng.
- 2) Một bài rươi khởi định nói bậc Thánh nói pháp.

“Lại Văn-thù-sư-lợi...”: Kết hạnh an vui đầu. “Lại Văn-thù...”: là nói hạnh an vui thứ hai. Có người chép: Hạnh thứ hai lấy nói pháp làm thể, tức gọi nói pháp Hạnh an lạc, nhưng pháp là tánh âm thanh thuộc pháp nhập. Nay bất luận điều này chính là lấy tâm động miệng nói năng là thể của hạnh thứ hai. Có người nói hạnh thứ hai miệng không có bốn lỗi làm thể, nay nói về lấy không kiêu mạn làm thể, bởi trong lòng ôm ấp sự kiêu mạn tự đề cao bức hiếp người khác vì vậy nên nói người tốt xấu hay dở... Muốn mở mang đại đạo thì nên lià điều đó. Lại kiêu mạn là si sử Bồ-tát không nên khởi sanh; lại chúng sanh đều có nhất thừa đồng có Phật tánh đều sẽ thành Phật không nên kiêu mạn. Như Giới kinh chép: Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành, cũng như Bồ-tát Thường bất kính không kính tất cả chúng sanh, thực hiện nghĩa bất kính này tức là mở rộng Nhất thừa. Văn chia làm ba:

- 1) Khuyên trú Hạnh an lạc.
- 2) Nêu thể của hạnh.
- 3) Nói về quả của hạnh.

“Nếu miệng giảng nói v.v...”: Là nêu thể của hạnh. Thể của hạnh có hai:

- 1) Văn xuôi.
- 2) Kệ tụng.

- Văn xuôi chia làm hai: Trước nêu lià lỗi làm thể của hạnh, kế nêu tu tập đức làm thể của hạnh. “Không ưa nói lỗi của người và của kinh điển”. Nếu nói lỗi của người, người nghe khởi sân không thọ đại đạo, lại nói lỗi người ắt là tâm khinh mạn thì tự sanh phiền não. Không nói lỗi của kinh: Như lai nói pháp cạn sâu tùy căn cơ, cuối cùng cũng trở về một đạo, không được chấp đại trách tiểu chấp tiểu trách đại như Kinh Bách Dụ chép: Có hai đệ tử đấm đánh hai chân tức là việc ấy. “Cũng chẳng khinh mạn các pháp sư khác”: Mở rộng Tiểu thừa tức gọi là các pháp sư khác, nên khởi tâm thương xót không nên khinh; lại yếu

kém hơn mình gọi là Pháp sư khác nên tha thứ, bỏ qua, cũng không nên khinh. “Đối với hàng Thanh văn cũng không nói lỗi xấu cũng không gọi tên khen ngợi việc tốt của người đó”: xưng riêng tên nói lỗi của người đó thì họ sanh tâm sân, còn nếu khen ngợi thì làm tăng thêm kiến chấp của người đó chỉ được dùng đại trách chung Tiểu mà thôi!

“Khéo tu như v.v....”: Tu tập đức làm thể của hạnh. “Chỉ dùng Đại thừa vì họ giải thích”: Hoặc như đáp nghĩa Tiểu thừa là phương tiện dẫn dụ giúp họ nhập đại. Cho nên Phẩm Dược Thảo chép: Thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên. Kế tụng hai chương trên chia làm hai: Chỉ chuyển thể nói pháp lại theo gần tụng. Trước sáu hàng rưỡi tụng tu tập đức, kế năm hàng tụng lia lỗi. Đầu lại có ba phần:

- 1) Hai hàng rưỡi nêu tịnh trong ngoài vì nói pháp phương tiện.
- 2) Hai hàng chánh nêu bày phương thức nói pháp.
- 3) Hai hàng chỉ năng đáp nạn vấn.

Người mở rộng pháp duy chỉ có ba việc này nên trình bày đầy đủ. “Trừ tâm lười biếng trễ v.v...: Tụng trên lia lỗi; năm hàng có hai cặp: một hàng đầu răn bảo khiến chớ biếng trễ; kế một hàng rưỡi khuyên khiến siêng năng tinh tấn. Không chịu nói là lười biếng, thường đình chỉ là biếng trễ, lại không siêng năng đối với việc là lười biếng, không vững vàng đối với lý là biếng trễ; kế một bài là năng bảo người nói pháp chớ mong cầu ngoại tài; kế một bài rưỡi khuyên trong tâm nhớ pháp. “Sau khi ta diệt độ v.v...”: là nói quả an vui.

Văn chia làm ba:

- 1) Một hàng nói thể của hạnh trước.
- 2) Hai hàng nói quả lia khổ.
- 3) hai bài nêu đặc quả an vui.

“Lại Văn-thù Sư lợi...”: là nói hạnh thứ ba. Có người chép: Thứ ba gọi là hạnh lia lỗi, chấp tâm quyết định dứt ác là thể của hạnh. Có người chép: Do ý trừ ba độc là thể của hạnh. Nay lấy lia ganh ghét làm thể của hạnh. Trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai: Nói thể của hạnh sau biện quả của hạnh.

Thể hạnh có hai:

- 1) Răn dạy.
- 2) Khuyên.

Răn dạy lại có hai:

- 1) Răn dạy đối với người không nên khởi lỗi.
- 2) Răn dạy khiến đối với pháp không nên khởi lỗi. Tật: Là ganh kia nhiều tài của Đố: Là ghét chánh báo của họ, che dấu tự tánh, tình tà

vay mà thuận thời nghi gọi là siểm (dua nịnh), vì đối người kia mà hiện ra tướng cung phụng gọi là cưỡng (dối). “Lại cũng không nên hý luận các pháp”: Răn dạy khiến đối với pháp lìa lỗi. “Trong tâm vô ký mà lại ngôn luận gọi là hý luận.

Trung luận chép: Hý luận có hai thứ:

- 1) Ái luận.
- 2) Kiến luận.

Nay lìa hai thứ này. Có chỗ cạnh tranh: Răn dạy khiến không nên nghiêng về chấp hữu. Văn kệ của Ngài Cầu-na-bạt-ma chép: Các luận đều khác với ngay thẳng tu hành lý không hai, thiên chấp có thị phi, người thông đạt thì không còn cạnh tranh. “Phải ở nơi tất cả chúng sanh..”: Khuyên khiến tu tập thiện. Không nói nhiều, chẳng nói ít: Nói nhiều thì khởi khinh nhàm, nói ít thì văn lý chưa đủ khiến kia tâm mê muội.

“Văn-thù Sư Lợi v.v....”: Là nói về quả hạnh:

- 1) Nói lìa đường ác.
- 2) “Được bạn đồng học tốt v.v...”: Nêu đắc quả thiện. “Kệ văn lại có hai: năm hàng tụng thể hạnh, một bài tụng quả hạnh. Trong năm hàng: Hai bài đầu tụng răn dạy khiến lìa ác, kế ba hàng tụng trên khuyên khiến tu tập thiện.

“Lại Văn-thù Sư Lợi v.v...”: Nêu hạnh từ bi, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai:

- 1) Nêu thể hạnh.
- 2) Biện quả hạnh.

Thể hạnh có hai: Trước nêu đối với người học Đại thừa nên khởi từ tâm, khiến cho kia chóng ngộ quả Phật, kế nói về đối người học Tiểu thừa nên khởi đại tâm bi muốn bạt dứt mê chấp Tiểu thừa cho họ khởi mau lìa khổ. “Phải nghĩ thế này v.v...”: Nêu việc đáng thương xót. “Chẳng nghe chẳng biết chẳng hay...”: Chấp Tiểu thừa cho là rất ráo. Ban đầu không hề nghe Tiểu thừa là phương tiện, chẳng những không nghe, ý cũng không biết Tiểu thừa là quyền nói, chẳng những không biết cũng đều không hay. Lại nói không nghe là không có Đại thừa Văn tuệ không biết là không Tư tuệ, không hay là không Tu tuệ. “Chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu”: Chẳng những chấp tiểu không nghe đối với đại, trú nơi tăng thượng mạn cũng không hỏi han một người học Đại thừa cầu quyền thật, người học Đại thừa dù là người nói cũng không tin nhận, chẳng những không thọ Tiểu thừa đã sâu thẳm mà căn lại còn độn cho nên không thể giải ngộ.

“Văn-thù Sư Lợi...”: Nêu quả hạnh, cũng chia làm hai: Trước nêu lia cõi ác. Kế “Thường được hàng Tỳ-kheo” v.v... là nói đắc quả thiện, đối trên hai hạnh từ bi cho nên có hai quả đắc ly trong đắc quả trước nói về nhân ái, kế “hư không chư thiên”...: là nói chư Thiên ủng hộ.

Hỏi: Trên trời tự có kinh điển, vì sao lại xuống nhân gian nghe pháp ư:

Đáp: luận Trí Độ chép: Đức Phật không nói ở cõi trời có kinh điển, dù cho có cũng chỉ ở Đạo-lợi, Đâu-suất, chư thiên đến vì người có ba việc hơn trời:

- 1) Năng dứt dục.
- 2) Tri thức mạnh.
- 3) Tinh tấn.

Trời có hai việc thua người:

- 1) Dục thiên đấm năm dục.
- 2) Sắc Vô sắc thiên đấm thiên vị không sánh bằng người nên đến nhân gian nghe pháp. Lại Bồ-tát chư thiên muốn mở rộng pháp lợi ích cho người cho nên xuống nhân gian nghe pháp. Lại muốn trục xuất các ác quỷ để tăng ích hai lực thân tâm cho Pháp Sư vì vậy nên đến.

“Vì sao?” là đoạn lớn thứ hai, kế khen ngợi giáo. Sở dĩ khen ngợi gồm có ba nghĩa:

- 1) bốn hạnh do kinh mà thành cho nên cần phải khen ngợi.
- 2) Trên nêu hạnh mở rộng kinh, nay khen ngợi kinh sở mở rộng, nhưng đức Như lai ở đời khéo biết rõ căn cơ chúng sanh nên có lúc nói hay im lặng. Người mở rộng kinh cũng phải biết thời mà động, không được vì nghe kinh phước nhiều gặp người liền nói.

3) Nói kế gần văn trên giải thích thành nghĩa: người ưa thích, trời ủng hộ, Kinh này đã được Chư Phật ba đời giữ gìn ưa nhớ.

Trời người ủng hộ đâu đủ để xưng gọi ư! Văn có ba:

- 1) Cùng nêu hai nói.
- 2) Cùng nêu hai dụ.
- 3) Cùng kết.

Cùng nêu hai: Ban đầu nói về Chư Phật ba đời ủng hộ. “Văn-thù v.v...”: là khen ngợi giáo lý mâu nhiệm sâu xa. Ở trong vô lượng cõi cho đến danh tự còn chẳng được nghe.

- 1) Trong cõi Tiểu thừa không nghe.
- 2) Trong cõi vô duyên không được nghe.
- 3) Không tạo tướng (văn) nghe, không tạo tướng câu, không có tướng người nghe, nghe như vậy trong vô lượng cõi rất khó đắc. “Thí



như vua có sức mạnh v.v...”: Nêu hai dụ, chia làm hai riêng. Trước thí dụ xưa chưa được nghe Pháp Hoa, kế dụ nói nay mới được nghe, đều là trước thí dụ, sau hiệp. Vua Chuyển luân dụ cho Phật, Tiểu vương dụ cho bốn ma. “Đem các đạo binh”: là nói tùy căn cơ lập ra giáo khiến vật tu hành hàng phục bốn ma. “Đánh giặc có công...”: là nói về Phật thấy chúng sanh tu hành dứt hoặc gọi là có công xứng căn cơ trao pháp. “Tùy công mà ban thưởng v.v...”: Tùy chỗ tu hành dứt hoặc nhiều ít được các công đức, Trí đoạn là ruộng thiền định là nhà, Niết-bàn hữu dư là làng xóm, Niết-bàn vô dư là thành ấp, tầm quý là y phục, đạo phẩm là châu báu, voi ngựa tôi tớ dụ cho thần thông. Chỉ riêng trên đỉnh búi tóc vua có một viên ngọc này”: Chỉ Phật và Phật mới cùng tận diệu Pháp Nhất thừa. “Các quyến thuộc vua v.v...”: Nghĩa là mười phương Phật và các đại Bồ-tát kinh lạ đức Thích-ca dùng biển lớn Nhất thừa rót vào vũng nước chân trâu của người Nhị thừa, vì chưa có đại căn cơ mà trao truyền đại pháp, theo lý không nên cho, nên gọi là kinh lạ. Hiệp dụ như văn.

“Văn-thù Sư Lợi! Như vua Chuyển luân v.v...” Vì giáo này làm dụ. Công lớn: Đại chương sắp ngã đại căn cơ sắp động nên vì họ nói Nhất thừa. Luận Pháp Hoa chép: Người thật có công nghe nói Đại thừa mà chấp chẳng phải Đại thừa, đảo chấp như vậy là vì đối trị cho nên nói đem viên ngọc trong búi tóc cho đó. Mười thứ trong vô thượng chép: Muốn thị hiện nói vô thượng nên nói rõ dụ cỡi viên ngọc trong búi tóc.

“Văn Thù Sư Lợi v.v...” là cùng kết chia làm hai: Trước tổng kết giáo lý mâu nhiệm sâu xa. Kế “Văn-thù Sư Lợi v.v...” tổng kết Chư Phật ủng hộ.

Kệ có hai:

1) bốn hàng tụng nói về thể của hạnh.

2) Mười hàng rưỡi tụng khen ngợi giáo, không tụng quả hạnh mà để ở đoạn lớn sau tụng. Trong tụng khen ngợi giáo có chín hàng tụng thí dụ, một bài rưỡi tụng kết cả hai, lược không tụng hai khen ngợi. Trên hai thí dụ hiệp, nay tổng làm một thí dụ một hiệp có ba hàng tụng thí dụ đầu, một bài tụng thí dụ sau ba hàng rưỡi tụng hợp thí dụ đầu, một bài rưỡi tụng hợp thí dụ sau. “Kinh này là trên hết v.v...” một bài rưỡi tụng hai kết ở trên: nửa hàng tụng khen ngợi giáo lý mâu nhiệm sâu xa, một bài tụng kết Chư Phật ủng hộ.

“Sau khi ta diệt độ v.v...” là đoạn lớn thứ ba: một bài rưỡi khuyên tu bốn hạnh. “Mà nói gần gũi bốn pháp”: Là chưa thể hành bốn pháp thì nên gần gũi. “Người đọc tụng kinh này v.v...” là đoạn lớn thứ tư, giải thích rộng an vui thân cận mà có văn khuyên tu này. Văn có ba:

- 1) nêu trong tỉnh giác được lợi ích.
- 2) nêu trong mộng được lợi ích.
- 3) Tổng kết khen ngợi.

Hỏi: Hiện thấy người đọc tụng Pháp Hoa lo buồn tật bệnh vì sao nói người đọc kinh này thường không buồn nào ư?

Đáp: Chúng sanh có năm hạng:

- 1) Định báo nghiệp.
- 2) Bất định báo nghiệp, bất định có thể chuyển, định không thể chuyển.
- 3) Chuyển nặng thành nhẹ, cho nên người đọc kinh nhiều tai họa lỗi lầm.
- 4) Không đúng như lời dạy mà tu hành cho nên bệnh không trừ như không theo phương thuốc.
- 5) Chúng sanh có tội trong vô lượng kiếp dần dần được giảm nhẹ.

Hỏi: Vì sao nói người đọc kinh này thường không lo buồn?

Đáp: Kinh này chia hai quyền hai thật phù hợp tâm Phật nên được Phật giáo hóa và người ba căn lãnh giải đều rất vui mừng, nên người đọc thường không lo sầu.

“Lại không bị bệnh đau v.v...” Trước khen ngợi năng trừ tâm bệnh, nay khen ngợi năng trừ thân bệnh. Phẩm Dược Vương chép: Kinh này là thuốc hay cho người bệnh ở cõi Diêm-phù-đề. Vì sao vậy: Vì kinh này từ đầu đến cuối phá ba thứ bệnh:

- 1) Phàm phu.
- 2) Tiểu thừa.
- 3) Bồ-tát.

Thế nên người đọc tụng kinh này thì không bị bệnh đau. “Nhan sắc được trắng sạch”: Trên khen ngợi lợi ích của việc xa lìa nay khen ngợi lợi ích của việc được. “Chẳng sanh nhà nghèo cùng”: Trên khen ngợi hiện báo được lợi ích, nay khen ngợi sanh báo được lợi ích. Do Nhất thừa đầy đủ muôn đức cho nên người đọc không sanh nghèo cùng do Nhất thừa tôn quý tốt cùng nên người đọc không sanh thấp hèn. Lý Nhất thừa ngay thẳng nên người đọc hình thể không xấu xa. “Chúng sanh thường ưa thấy...” ở trên nói lìa quả nay nói được quả. “Dao gậy chẳng đến được v.v...” Trước lìa ác bên trong nay lìa ác bên ngoài. “Đạo đi không sợ sệt...”: Trên lìa ác bên trong có lý có đức nay ngoài lợi ích cũng có đức lý, trước nêu quả lìa nay nêu quả đắc. “Nếu ở trong chiêm bao v.v...”: Nói về trong mộng được lợi ích, so với trước, đây là

---

hậu báo lợi ích. Phàm có năm giấc chiêm bao:

- 1) Một bài rười mộng thấy Phật vì chúng nói pháp.
- 2) Một hàng rười thấy thân mình vì chúng nói pháp.
- 3) Sáu hàng rười mộng nghe pháp được thọ ký.
- 4) Một hàng rười mộng thấy tu Đạo Bồ-tát.
- 5) Năm hàng mộng thấy thành Phật.

Mộng trước là trong nhân được lợi ích dùng bốn phen nói kệ tụng, mộng sau thành Phật là đắc quả đại sự, dùng năm phen nói kệ tụng. Năm giấc mộng này từ cạn đến sâu có thứ lớp: Đầu nêu hành cạn nên chỉ thấy Phật nói pháp, kế giải dần sâu thấy vì người khác nói pháp, kế thấy được thọ ký, kế thấy tu hành, kế thành quả Phật. Luận Trí Độ nói có năm mộng:

- 1) Khí nóng nhiều nên mộng.
  - 2) Khí lạnh nhiều nên mộng.
  - 3) Khí phong nhiều nên mộng.
  - 4) Thấy nghe nhiều nên mộng.
  - 5) Trời thần cho (báo) mộng, nay là thứ năm.
- Luật Tăng Kỳ nói về năm mộng.
- 1) Thật mộng.
  - 2) Không thật mộng.
  - 3) Mộng không rõ ràng.
  - 4) Mộng trong mộng.
  - 5) Trước tưởng sau mộng, nay là thật mộng.
- Sau cùng một bài kệ tổng kết như văn.

-----